

## **Phiếm luận về vài sự kiện lịch sử.**

Trích từ báo Nguồn Đạo, chùa Giác Hoàng  
Washington, DC, 1985.

Tác giả : Dương Đình Khuê

Cuốn sử Việt Nam đầu tiên là bộ Đại Việt Sử Ký do Lê Văn Hưu viết dưới triều vua Trần Thái Tông, thuật lại những sự việc đã xảy ra từ mấy ngàn năm trước. Do đó tác giả chỉ có thể căn cứ vào khẩu truyền mơ hồ, và vài đoạn của sử ký Trung Hoa có liên quan đến nước ta, cũng thiếu tài liệu xác thực. Sau đó, những sử gia kế tiếp đều là do nhà vua bổ nhiệm, có nhiệm vụ ghi chép những sự việc gần hơn đã xảy ra trong đời vua trước, theo lối biên niên, chỉ ghi sự việc mà không trình bày tiền nhân hậu quả. Tuy công việc có dễ dàng hơn, nhưng thiếu cái nhìn tổng quát, và lẽ tự nhiên không dám thẳng thắn chê bai những việc xấu xa của các tiền vương đương triều.

Ngoài ra, còn vài tư nhân viết ký sự, như Lê Hữu Trác biệt hiệu là Hải Thượng Lãn Ông, viết quyển Thượng Kinh Ký Sự để ghi chép việc ông được triệu về kinh để chữa bệnh cho thế tử Trịnh Căn, nhân dịp đó ông cũng tả những điều mắt thấy tai nghe ở cung chúa Trịnh Sâm, như Phạm Đình Hồ cùng với Nguyễn Ân soạn bộ Tang Thương Ngẫu Lục để thuật lại những biến cố xảy ra

cuối đời Lê-Trịnh, trước khi nước mất về tay nhà Tây Sơn; như Nguyễn Văn Giai viết bài Chính Khí Ca sau khi quân Pháp hạ thành Hà-Nội lần thứ hai, v. v. Nhưng những tác phẩm đó của tư nhân, bị thất lạc hoặc tam sao thất bản rất nhiều sau bao cuộc binh lửa, và lại viết với một bút pháp chủ quan, e rằng không đủ chứng minh xác thực.

Vì những lẽ trên, nên Sử Việt-Nam ghi nhiều huyền thoại phi lý, hoặc ghi vài sự kiện có thực nhưng không được giải thích thỏa đáng. Vấn đề đặt ra là chúng ta có cố gắng rọi một tia sáng lý luận vào vài sự kiện lịch sử đó không ?

Có ý kiến cho rằng không nên làm công việc đó, viện những lý lẽ sau đây :

Một là chúng ta là kẻ hậu sinh, sự cố gắng của chúng ta chưa chắc đã đạt được sự thật, chỉ thay thế một lối trình bày mà cổ nhân đã chấp nhận bằng một lối trình bày khác, có thể còn sai lạc hơn. Chúng tôi cũng nhận rằng sự đi tìm sự thật về quá khứ là vô cùng khó khăn, nhưng khó khăn cũng phải làm, dù sẽ thất bại cũng phải làm, vì luôn luôn tìm hiểu là luật tiến hóa. Đưa ra những ý kiến khác với những ý kiến đã được công nhận từ ngàn xưa, tấm gương đó của các ngài Vương Dương Minh, Copernic, Darwin, Einstein, v.v . tại sao chúng ta không dám theo, dù vì vô tài bất lực chắc chắn sẽ thất bại ?

Lý lẽ thứ hai mà các vị thủ cựu đưa ra là sự đĩnh chính các trình bày vài sự kiện lịch sử sẽ có hại là làm giảm bớt trong đồng bào lòng tự hào về lịch sử quốc gia, lịch sử bất khả xâm phạm của bốn ngàn năm văn hiến. Chúng tôi không nghĩ như vậy. Chúng tôi nghĩ rằng lịch sử, khi gạt bỏ bớt những chi tiết hoang đường hào nhoáng, hoặc khi được cắt nghĩa rõ ràng bằng những lý lẽ hợp tình hợp lý, thì càng đẹp đẽ hơn chứ sao, càng đáng kính phục hơn chứ sao ? Huống hồ đàn con cháu hậu sinh, chúng càng ngày càng tiêm nhiễm tinh thần khoa học, nhất định sẽ không chấp nhận những huyền thoại hoang đường, và cũng sẽ không hài lòng với những chiến công hoặc thành tích oai hùng của ông cha, chỉ được trình bày một cách ngây thơ, phiếm diện, không vạch rõ những yếu tố hợp tình hợp lý nấp đằng sau những thành tích vẻ vang đó.

Vì vậy chúng tôi đã không ngại đem sức học hèn kém để thử phiếm luận về vài sự kiện lịch sử, hay nói cho đúng hơn là trình bày vài thắc mắc mà chúng tôi đã vướng phải khi đọc lịch sử nước nhà. Rất mong sẽ được các vị cao minh thứ lỗi và chỉ giáo cho. Trước khi bắt tay vào việc, chúng tôi cũng xin nói qua về mấy điểm sau đây :

1/ Những huyền thoại trong sử Việt-Nam nhiều vô kể, được ghi trong các bộ Lĩnh Nam Trich Quái, Việt Điện U Minh, Truyền Kỳ Mạn Lục, Văn Lang Dị Sử, Thần Thoại Việt-Nam , v. v. Tính cách phi lý hoặc ngụ ngôn của vài huyền thoại đó, ngay tiền nhân chúng ta cũng đã nhận thấy rồi, bây giờ chúng ta bắt tất phải xô đẩy cái cửa đã hé mở rồi. Ví dụ ai nấy đều biết truyện bà Âu Cơ

đẻ ra một bọc đựng 100 trứng sẽ nở thành 100 con trai, một nửa theo cha xuống biển, một nửa theo mẹ lên núi, chỉ là một huyền thoại ngụ ý rằng dân tộc Việt-Nam gồm cả người kinh sống ở đồng bằng và người thượng sống ở miền núi. Bởi vậy, chúng tôi sẽ không cần đả động những huyền thoại thuộc loại đó, mà chỉ bàn đến những huyền thoại không hẳn là hoang đường, có thể giải thích một cách tự nhiên nhưng chưa được nói rõ, ví dụ truyện Trọng Thủy cưới My Châu để ăn cắp nỏ thần.

2/ Về vài thành tích oanh liệt của tiên nhân, chỉ mới trình bày sự việc mà không giải thích rõ tiên nhân hậu quả, ví dụ Hội nghị Diên Hồng dưới đời nhà Trần, và chiến thắng chớp nhoáng của vua Quang Trung đầu năm 1789, chúng tôi sẽ tìm hiểu tại sao có cuộc hội nghị dân chúng trong thời quân chủ chuyên chế, và tại sao vua Quang Trung lại dám quả quyết trước khi xuất quân sẽ vào thành Thăng Long ăn Tết trong vài hôm nữa ?

3/Ngoài ra chúng tôi cũng sẽ làm nổi bật vài đặc tính của lối tuyên truyền hoặc lối chống đối quyền vua chúa, hoặc lối đòi đáp tinh quái của dân Việt-Nam xưa. Những đặc tính đó, các sử gia trước đây cũng đã nói đến rồi, nhưng cần phải nhấn mạnh thêm để sửa đổi hình ảnh cổ truyền về dân tộc Việt-Nam, thay thế nó bằng một hình ảnh trung thực hơn, nghĩa là thông minh quý quái hơn là lù đù đạo đức, bình đẳng dân chủ hơn là thụ động nô lệ.

Mục đích và giới hạn của bài tiểu luận này đã được xác định như trên, bây giờ chúng tôi xin theo thứ tự thời gian lần lượt nêu những vấn đề sau đây :

1/ Đời Hồng Bàng gồm Kinh Dương Vương, Lạc Long Quân và 18 vua Hùng, tổng cộng là 20 vua trị vì từ năm 2879 tới năm 258 trước công nguyên, tức là 2621 năm, trung bình mỗi vua trị vì 130 năm. Đó là một điều hiển nhiên phi lý, vậy ta thử cắt nghĩa bằng một trong những giả thuyết sau đây :

a/ Trong đời tiền sử Hồng Bàng làm sao người đời sau biết được năm Nhâm Tuất 2879 trước công nguyên là năm lập quốc ? Rất có thể là họ Hồng Bàng đã lập quốc sau đó nhiều năm, chỉ trường cửu được độ một nghìn năm, nhưng lòng thành kính của hậu thế đã phóng đại tới 2621 năm.

b/ Hoặc nếu thực sự nước ta đã lập quốc từ năm 2879 trước công nguyên, thì có thể đã có nhiều họ khác trị vì trước họ Hồng Bàng, và 18 vua Hùng chỉ là những vị quân vương cuối cùng thời tiền sử mà kỷ niệm được hậu thế còn ghi nhớ, còn kỷ niệm những triều đại trước đã bị nhòa xóa trong đêm tối thời gian.

c/ Và cuối cùng ta có thể giả thiết rằng 18 vua Hùng là 18 chi nhánh họ Hồng Bàng, mỗi chi nhánh có thể gồm nhiều vua

(cũng như họ Capétiens bên Pháp gồm có Capétiens directs, Capétiens Valois và Capétiens Bourbons).

Có thể chẳng một giả thuyết nào nêu trên là đúng, nhưng có điều chắc chắn là câu khẳng định 20 vua Hồng Bàng trị vì tới 2621 năm nhất định là sai, chúng ta và nhất là con cháu chúng ta không thể chấp nhận được. Và đã nghi ngờ một sự kiện đó, sẽ còn mang theo tai hại nghi ngờ luôn cả những truyện trầu cau, truyện bánh chưng, bánh dày, truyện quả dưa đỏ v. v. Há chẳng tai hại lắm sao ? Ví dụ thực hay hư, những truyện này cũng nêu cao tình anh em, vợ chồng, đức tính hiếu thảo, và tín ngưỡng ở luật Nhân Quả, mà dân tộc ta đã có từ thời người Âu Tây còn ăn lông ở lỗ. Riêng chúng tôi thà từ bỏ huyền thoại 26 thế kỷ đời Hồng Bàng, chứ không đành từ bỏ những truyện lý thú và đầy căn bản đạo đức nói trên.

2/ Truyện Triệu Đà không hạ nổi Loa thành bằng sức mạnh, bèn sai con là Trọng Thủy sang cầu hôn chúa My Châu để ăn cắp nỏ thần, có thể chỉ là truyện bịa đặt để xoa dịu lòng tự ái quốc gia bị thương tổn, cãi rằng ta thua trận không phải vì lực lượng kém mà vì mưu gian của kẻ địch.

Nhưng ta cứ tạm cho rằng truyện kết hôn đó là có thực. Nhưng với mục đích gì ? Để ăn cắp nỏ thần có thể bắn một phát tên mà giết được hàng vạn quân địch ư ? Hoang đường ! Cách cắt

nghĩa hợp lý hơn là Trọng Thủy có sứ mệnh đi làm gián điệp để dò xét địa hình, địa vật của Loa thành, một thành lũy kiên cố xây theo hình tròn ốc. Nếu nắm được bản đồ bí mật rồi, thì Triệu Đà sẽ dễ dàng hạ thành.

Nhân dịp câu chuyện kết hôn này, dù có thật hay bịa đặt cũng vậy, chúng tôi thấy truyện chưa đúng hai đặc điểm của tâm lý Việt tộc :

Một là tình vợ chồng rất thắm thiết. My Châu yêu Trọng Thủy đến nỗi quá tin chàng, cho chàng xem nỏ thần là một bí mật quân sự trọng đại. Dù vì đó mà nàng vô tình phạm tội phản quốc, chúng ta cũng phải nghiêng mình trước mối tình vô biên của người vợ Việt-Nam đối với chồng. Chúng tôi còn nhớ năm 1945, sau ngày Nhật đảo chánh, đã trông thấy rất nhiều mẹ Tây vẫn trung thành với ông chồng thực dân, cày cục xin được thăm chồng, ngày ngày mang đồ ăn và quần áo vào tù cho chồng. Đàn bà Việt-Nam hơn hẳn đàn bà Âu Mỹ ở điểm đó.

Hai là tấm lòng khoan hồng của dân tộc Việt đối với kẻ thù. Truyện kể rằng Trọng Thủy, sau khi theo dấu lông ngỗng, đến bờ bể thấy xác vợ, ôm vợ về Loa thành để an táng, rồi tự vẫn vào giếng cho tròn nghĩa phu thê, chứ không chịu sống để hưởng phú quý vinh hoa do sự gian trá của mình đem lại. Nếu là sử nước khác thì phải tả tên gián điệp Trọng Thủy là một tên bỉ ổi, lừa dối vợ hiền. Chỉ riêng dân tộc Việt-Nam chúng ta mới có lượng khoan hồng cao cả để tô điểm tên gián điệp thành một kẻ quân tử, tuy

vâng lệnh phụ vương phải lừa dối vợ nhưng vẫn chung tình với vợ. Trọng Thủy thật đáng kính phục, xứng đáng làm rể nước Nam.

Ngoài ra, truyện này còn đem lại một câu chuyện khác chứng minh trí thông minh quái quái của người Việt. Tục truyền rằng máu My Châu trôi xuống biển, các con sò nuốt phải liền sinh hạt trai. Dem nước giếng trong đó Trọng Thủy đã tự vẫn để rửa, thì hạt trai được sáng bóng phi thường, nên lệ công thiên triều cò ghi cả một vò nước giếng đó. Lệ công này tuy không tốn kém gì nhưng rất cực nhọc, vì phải mang một vò nước qua thiên sơn vạn thủy. Sứ thần Nguyễn Công Hãng làm quan thượng thư đời chúa Trịnh Cương, nghĩ cách hủy bỏ lễ công đó. Cứ mang theo một cái vò không, và đến gần kinh đô Tàu mới lấy nước ở một giếng nào đó đổ vào. Dâng cho vua Tàu để rửa hạt trai, thì thấy không có công hiệu gì. Vua Tàu bèn trách cứ, thì sứ cứ tỉnh bơ đáp rằng :

- Tàu Bệ Hạ, hẳn là sau nhiều thế kỷ, nước giếng Cổ Loa đã biến chứng.
- Ủ, khanh nói cũng có lý. Thôi từ nay trở đi, công lễ khỏi phải gồm thứ nước vô dụng đó nữa.

3/ Các sử gia ta thường quen gọi nữ kiệt Triệu Thị Trinh đã phát cờ khởi nghĩa chống thứ sử Lục Dận năm 248, là Triệu ầu, nghĩa là mẹ Triệu, theo danh từ khinh miệt của các sử gia Trung Hoa. Lại còn tả bà là một người ghê gớm, vú dài ba thước phải vắt qua vai ! Thái độ đó của người Trung Hoa thì không thấy gì làm lạ, vì họ muốn cứu vãn thể diện đã bị một người đàn bà đánh thua.

Nhưng các sử gia Việt-Nam mà cũng thụ động theo họ thì thật là quá đáng. Thật ra bà Triệu đã được quân sĩ tôn gọi là Nhụy Kiều tướng quân, vì bà đẹp như một bông hoa, mặc áo giáp vàng chói lọi, cưỡi voi xung trận khiến quân Tàu khiếp sợ. Vậy chúng ta nên bỏ hẳn danh từ Triệu ẩu và huyền thoại vú dài ba thước.

Sự kiện này tuy chỉ nhỏ nhặt thôi, nhưng nó cũng dạy ta một bài học, ta chớ bao giờ quên : Là khi đọc sử Việt-Nam do ngoại nhân viết, ta cần phải đề cao cảnh giác. Ví dụ trước đây Pháp đã viết rằng vua Thành Thái là một kẻ cuồng dâm, và toàn quyền Paul Doumer là một chính khách đầy lòng nhân đạo đối với dân thuộc địa. Nhưng sự thực là đức vua Thành Thái bản tính cao ngạo không thềm mềm mỏng với các quan Bảo hộ, và Paul Doumer là một tên thực dân khôn ngoan, bóc lột thuộc địa bằng phương pháp tinh vi. Chính hấn đã lập ra các thuế công quản muối, rượu và thuốc phiện, hấn còn tổ chức Ngân hàng Đông Dương, mở mang các mỏ than và đồn điền cao su để biến Đông Dương thành một kho nhiên liệu cung cấp cho chính quốc, và một thị trường dành riêng cho chế tạo phẩm của Pháp nhờ một hàng rào quan thuế nặng nề. Và ngay bây giờ chúng ta cũng thấy rất nhiều chính khách và phóng viên Pháp và Mỹ viết hồi ký về cuộc chiến Việt-Nam trong 30 năm, từ 1945 đến 1975. Rất hấp dẫn, nhưng ta chớ nên tin mọi điều họ viết !

4/ Các sứ Tàu thường ý mình là người thiên triều, có văn hóa cao, khinh rẻ dân Việt-Nam là man di. Trước thái độ ngạo mạn đó, tổ tiên chúng ta có phản ứng gì không ?

Thưa có. Sử chép rằng năm 987, nhà Tống cử một vị quan lớn là Lý Giác sang Đại Cồ Việt, lấy tiếng là phong vương cho vua Lê Đại Hành, nhưng thực ra để dò xét trình độ văn hóa và binh bị của nước ta. Biết vậy, vua Lê Đại Hành sai nhà sư Đỗ Pháp Thuận đi đón sứ Tàu, dưới ngụy trang là người lái đò chở sứ qua sông. Lý Giác quả là một thi sĩ có tài, ông thấy giữa sông có hai con ngỗng đang bơi lội, bèn ngâm hai câu :

*Nga nga lưỡng nga nga*

*Ngưỡng diện hướng thiên nha.*

nghĩa là :

*Thung thẳng ngỗng một đôi*

*Vươn cổ ngó lên trời.*

Lý Giác đang tự hào về hai câu khẩu chiếm đó thì bỗng giật mình nghe thấy tên lái đò đọc tiếp :

*Bạch mao phô lục thủy*

*Hồng trạo bãi thanh ba.*

nghĩa là :

*Lông trắng phò làn biếc*

*Chân hồng gạt sóng xanh.*

(bản dịch của cụ Mộng Thiên)

Những câu thơ trên đây không những chỉ có giá trị tả cảnh khéo léo. Con ngỗng biểu hiệu cho tâm người quân tử an lạc và cảnh trời bao la nói lên ý niệm vô cùng. Đó là ý nghĩa của hai câu thơ của sứ thần Lý Giác. Nhà sư Việt-Nam phát triển ý nghĩa đó, nói rõ tâm an lạc được biểu hiệu bằng màu trắng của lông ngỗng, và những chân hồng của nó ví với nền giáo dục, phương tiện truyền đạo. Như vậy, bức tả con ngỗng bơi trên sông có ý nghĩa là nhà nho đem học thức của mình để phụng sự tổ quốc, hoặc nhà sư truyền bá Phật pháp để đưa đại chúng tới bến giải thoát. Cái hay của thơ văn Á Đông là như vậy, ý ngoài lời.

Câu truyện có thực trên đây đã khiến hậu thế bịa ra nhiều truyện khác để đề cao tài học Việt-Nam và hạ thấp tài học của Trung Hoa, như những truyện Mạc Đĩnh Chi hóm hỉnh đối đáp với người Tàu. Nhưng ngộ nghĩnh nhất là truyện gán cho công Quỳnh và bà Đoàn Thị Điểm vào đời Hậu Lê. Cũng lại là một truyện sứ thần thiên triều sang phong vương cho vua ta. Công Quỳnh cũng trá hình làm lái đò để chở sứ thần qua sông Nhị Hà tới kinh đô Thăng Long. Trong khi ngồi đò, không biết sứ thần vì bội thực hay sao mà bỗng phát một tiếng . . . trung tiện. Để chữa thẹn, hẩn ngâm câu thơ xác láo sau đây :

*Lôi chán Nam bang.*

nghĩa là :

*Sóng động nước Nam.*

Cổng Quỳnh bèn vạch quần, đi tiêu xuống sông và ngâm tiếp :

*Vũ qua Bắc hải.*

nghĩa là :

*Mưa xuống bể Bắc.*

Sứ thần tức giận xám mặt, nhưng không thể không phục tài học của một tên dân bản xứ mà hấn tướng là lái đò tầm thường.

Chưa hết. sang tới bờ bên kia sông, hấn thấy ở bên đò có một hàng nước, cô hàng ăn mặc rất trai lơ và tình tứ mời hấn vào soi nước. Vị sứ thần được dịp chế diễu, bèn ồm ờ hỏi :

*An Nam nhất thốn thổ*

*Bất tri kỷ nhân canh ?*

nghĩa là :

*Một tấc đất An Nam*

*Không biết bao nhiêu người cấy ?*

Cô hàng nước, tức là nữ sĩ Đoàn Thị Điểm trá hình, bèn cũng ồm ờ trả đũa :

*Bắc quốc đại trượng phu*

*Giai do thử đồ xuất ?*

nghĩa là :

*Các trượng phu đất Bắc*

*Đều do đó chui ra.*

Truyện này chỉ là một truyện bịa đặt, nhưng cũng chứng tỏ được hai điều :

Một là ta tuy thần phục Trung Hoa, không những về chính trị, ngoại giao mà còn về văn hóa nữa, nhưng chẳng bao giờ có tự ti mặc cảm đối với vị thầy đồ. Trong thời Pháp thuộc, và ngay bây giờ ở nhờ đất Mỹ, chúng ta vẫn tự hào là không kém họ về trí thông minh.

Hai là các cụ nhà nho khi xưa, không phải luôn luôn đạo mạo như ta tưởng. Có lẽ dân Việt-Nam cũng có esprit gaulois không kém gì dân Pháp. Lễ giáo không học chỉ kìm hãm được một phần nào thôi, chứng cứ là trong văn chương bình dân không thiếu gì những truyện tiểu lâm có thể so sánh với những histoires marseillaises nhộn nhạo.

5/ Sử cho ta biết rằng những triều đại đầu tiên là Ngô, Đinh và tiền Lê đều ngắn ngủi. Tại sao vậy ? Không thể vì những biến cố ngẫu nhiên mà phải có một nguyên nhân sâu xa hơn. Đó là tinh thần địa phương, kết quả của chế độ phong kiến phân quyền đã thịnh hành dưới đời Hồng Bàng. Cũng chỉ tinh thần địa phương

đó đã khiến cho những cuộc khởi nghĩa dưới Bắc thuộc thời đại chỉ bùng lên như những đám lửa rơm mà không kiên trì được. Khi bị quan lại Tàu tham tàn quá bóc lột, một bộ lạc nổi dậy, các bộ lạc khác dễ dàng hưởng ứng. Nhưng khi gặp phải sự phản ứng quá mạnh của viện binh Trung Hoa đem tới, thì hàng ngũ nghĩa quân cũng dễ dàng tan rã, do đó mà lần lượt Hai Bà Trưng, bà Triệu, Lý Nam Đế, Mai Hắc Đế, Bồ Cái đại vương, đều chỉ viết được những trang sử oanh liệt nhưng ngắn ngủi. Đến Ngô Quyền, trong giết được kẻ phản chủ Kiều Công Tiễn, ngoài phá được quân Nam Hán, nên ngài có uy tín lẫy lừng, khiến toàn dân tòng phục. Nhưng khi ngài vừa nằm xuống thì các thủ lĩnh địa phương lại ngóc đầu trời dậy, xung hùng xung bá gây nên loạn Thập nhị sứ quân. Đinh Bộ Lĩnh có hùng tài đại lược, dẹp yên được các sứ quân, nhưng ngôi vua truyền đến nhụ tử Đinh Tuệ thì nội loạn lại sắp bùng nổ nếu không có quân Tống xâm lăng, khiến cho quân dân hoang mang, phải trao quyền cho Thập đạo tướng quân Lê Hoàn. Quả nhiên, nạn ngoại xâm vừa kết liễu, thì vua Lê Đại Hành lại phải khổ công dẹp tan hết nội loạn này đến nội loạn khác.

Chỉ đến khi Lý Công Uẩn lên thay thế nhà tiền Lê, đem lại hòa bình lâu dài sau bao nhiêu loạn lạc điêu linh từ 939 đến năm 1009, thì người dân mới ý thức được ích lợi của chế độ thống nhất trung ương tập quyền, mới nảy sinh tinh thần quốc gia thống nhất thực sự.

Nước ta giữ vững được tinh thần thống nhất đó qua các triều đại Lý, Trần và Hậu Lê đến năm 1527, công đó phải quy một phần lớn về Nho giáo, không thể chối cãi được. Tiếc rằng sau đó Nho

học biến tính, vua không ra vua, tôi không ra tôi, nên nước ta lại phải trải qua mấy thế kỷ Nam Bắc phân tranh.

Bài học lịch sử “Đoàn kết thì sống, chia rẽ thì chết”, bài học đó đồng bào ta ngày nay đã thực được thấm nhuần chưa ? Xin hỏi các chính khách lăm le nhảy lên ngôi Minh Chủ.

6/ Ngày nay, việc tuyên truyền được thực hiện dưới muôn hình vạn trạng : diễn văn, biểu tình, giáo dục ở nhà trường, sách, báo, ca nhạc, phim ảnh, vô tuyến truyền hình, rĩ tai, viết thư cho các nghị sĩ, dân biểu v . v . Thời xưa việc tuyên truyền ít phương tiện hơn, nhưng có thể nói rằng phương tiện gần như độc nhất được sử dụng lại vô cùng kiến hiệu, kiến hiệu hơn cả những phương tiện khoa học tinh vi. Đó là sấm ngôn, đánh thẳng vào lòng mê tín của người dân chất phác còn tin nặng vào thần quyền. Dưới đây xin kể vài ví dụ :

-Để cổ động cho Lý Công Uẩn lên thay thế nhà tiền Lê, Vạn Hạnh thiền sư cho phổ biến câu sấm :

*Hỏa đao mộc lạc,*

*Thập bát tử thành.*

Những chữ Hỏa, Đao, Mộc ghép lại thành chữ Lê, và những chữ Thập, Bát, Tử ghép lại thành chữ Lý. Câu sấm đó nghĩa là cây lê sẽ rụng và cây lý sẽ mọc.

-Để những người còn theo họ Lý, Trần Thủ Độ cho phổ biến câu sấm :

*Trời Đông Á soi đến bậc hè,*

*Ba con đóm nọ lập lòe làm chi ?*

Hai chữ Đông Á hợp thành chữ Trần, và soi đến bậc hè nghĩa là họ Trần đã lên ngôi báu. Còn ba con đóm chỉ ba trung thần nhà Lý đang nổi loạn là Lý Quang Bất, Đoàn Thuợng và Nguyễn Nộn

-Để cổ động cho Lê Lợi khởi nghĩa ở Lam Sơn, Nguyễn Trãi sai người dùng mỡ viết lên rất nhiều lá cây trong rừng mấy chữ sau đây : “*Lê Lợi vi quân, Nguyễn Trãi vi thần.*” Sau đó kiến hoạc sâu bọ gặm lá ở chỗ có chất mỡ, rồi các lá đó rụng xuống, để lộ những chữ trên, khiến cho dân chúng tin rằng đó là ý trời, bèn ùng ùng kéo đến Lam Sơn tòng quân. Truyện Lê Lợi đi câu cá bắt được một cây gươm thần, hẵn cũng nằm trong mưu mô đó.

7/Một công việc có liên quan với tuyên truyền là việc chống đối quyền Hành pháp. Ngày nay, muốn chống lại một quyết định nào đó của Tổng Thống nước Mỹ chẳng hạn, người ta viết báo, tổ chức biểu tình, và bỏ phiếu chống đối ở quốc hội. Khi xưa, muốn can ngăn nhà vua độc tài chuyên chế, thực là nguy hiểm như việc vượt ngược vẫy rồng. Tuy vậy, không hẵn là tổ tiên chúng ta không dám làm.

Ví dụ khi vua Trần Anh Tông gả em gái là Huyền Trân công chúa cho vua Chăm để đổi lấy hai châu Ô, Rí thì trong dân gian truyền bá câu chế diễu :

*Tiểu thay cây quế giữa rừng*

*Để cho cho thằng Mán, thằng Mừng nó leo.*

Lại còn có người hiểu sự viết truyện Vương Tường, ám chỉ việc vua Trần gả em cho vua Chăm, cũng nhục nhã như việc vua nhà Hán muốn yên ổn phải đưa nàng cung phi Vương Tường (Chiêu Quân) đi cống Hồ.

Nhưng đó là hành động của người ẩn danh sau quần chúng, không nguy hiểm bằng việc một triều thần dám ngang nhiên can ngăn quân vương khi ông thấy vị này sắp làm một việc có hại đến quyền lợi quốc gia. Lỗi lạc nhất trong các vị triều thần cương trực đó là Nguyễn Công Hãng mà chúng tôi đã có dịp nói đến khi ông lập mẹo bãi bỏ lệ cống một vò nước giếng Cổ Loa. Một hôm chúa Trịnh Cương nhân dịp đi duyệt thủy quân, định ngự giá tới làng một ái phi để lấy lòng nàng. Nguyễn Công Hãng biết vậy, bèn tâu rằng : *“Vương thượng vì một người đàn bà mà điều động binh thuyền, bắt quân dân địa phương phải cực nhọc hầu giá, thiết tưởng không nên.”* . Rồi với tư cách thống soái, công đình đặc ra lệnh cho đoàn thuyền quay mũi trở về, nếu ai không theo thì sẽ chiếu quân pháp mà trị tội. Trước thái độ cứng rắn đó, chúa Trịnh phải nhượng bộ.

Một vị đại thần nữa lại còn khôn khéo hơn. Trịnh Cương vốn lộng quyền, sai làm một cái kiệu như kiệu của vua Lê. Nguyễn Duy Thời một hôm đứng cạnh kiệu đó, bỗng giả tảng trúng gió, nôn ọe và ngã bất tỉnh vào kiệu. Chúa bèn sai khiêng ông trên cái kiệu đó về nhà. Sáng hôm sau ông vào chầu và tạ lỗi :

-Tâu Vương thượng, hạ thần đã chót lỗ nằm trong kiệu của Chúa, nó bị hạ thần làm ô uest rồi, xin Vương thượng tha tội cho. Để nay mai hạ thần sẽ sắm một cái kiệu khác để Chúa dùng đúng với chức vị cao quý của An Đô Vương.

Trịnh Cương hiểu bài học tế nhị đó, và từ đó không tiếm những lễ nghi dành cho vua Lê nữa. Dù ông lập Phủ Liêu để bàn việc nước không đếm xỉa đến Triều đình của vua Lê nữa, nhưng ta cũng phải công nhận rằng ông là một người biết điều, tiếm thực quyền nhưng còn tôn trọng hư quyền.

Hơn thế nữa, ta chớ nên có thành kiến rằng dưới thời quân chủ chuyên chế, quyền bực vua chúa bất khả xâm phạm, và quyền dân hoàn toàn không biết đến. Chứng cứ là trong triều đình có ông Ngự sử, có quyền và cũng có nhiệm vụ chỉ trích những ngôn ngữ hoặc hành động sai lầm của bậc quân vương. Lẽ cố nhiên, những bạo chúa, hôn quân không thèm đếm xỉa đến những lời cương trực trái tai, nhưng sự hiện hữu của chức vụ Ngự sử nói lên, ít nhất trên nguyên tắc rằng “*dân vi quý, xã tắc thứ chi, quân vi khinh.*”

8/Sự nhà Trần ba lần oanh liệt phá tan quân Nguyên xâm lăng phải coi là một phép lạ nếu ta không hiểu rõ nguyên nhân. Các sử gia thường cắt nghĩa giản dị rằng vì nhà Trần rất được lòng dân. Nhưng có thật như thế không, ta phải nghiêm chỉnh nghiên cứu.

Trần Thủ Độ đã dùng gian mưu để cướp ngôi nhà Lý, và diệt trừ mọi tàn tích của tiên triều. Vua Lý Huệ Tông đã nhường ngôi cho con gái rồi và đã ra ở chùa, thế mà Thủ Độ còn dọa dẫm đến nỗi phải tự tử. Hắn còn tàn sát tôn thất nhà Lý trong một âm mưu vô cùng hiểm độc. Nguyên các vương hầu và công chúa nhà Lý có tục mỗi năm một lần tập hợp ở một cung điện để tế các vị hoàng hậu quá cố. Sau khi nhà Lý bị hạ bệ, Thủ Độ vẫn vui vẻ để cho họ xử dụng cung điện đó, nhưng hắn đã bí mật cho người đào hầm trước, cung điện chỉ được tạm đứng vững nhờ mấy tấm ván và cột. Và trong khi các vương hầu và công chúa nhà Lý vui say với yến tiệc và múa hát, thì Thủ Độ ra lệnh rút cột cho xập, cả tòa nhà cung điện liền sụp đổ, biến thành một ngôi mộ khổng lồ mà nhiều năm sau không một ai dám qua lại. Nhưng tôn thất nhà Lý còn sống sót vì không dự lễ tế trên, thì đều phải cải sang họ Nguyễn. Đối với bình dân, nhà Trần cũng chẳng từ bi gì, vẫn giữ lối cai trị phong kiến của nhà Lý, nghĩa là con quan tập ấm lại được làm quan, con dân thường đời đời phải đi lính và chịu sưu dịch, trừ trường hợp hãn hữu là thi đỗ các khóa thi rất khó hoặc lập được chiến công phi thường. Thuế má lại gia tăng để chuẩn bị chiến tranh, nào là thuế thân, thuế ruộng, và cả thuế đánh vào trầu cau, tôm cá, hoa quả. Pháp luật rất nghiêm khắc hơn đời Lý nhiều, những người phạm tội trộm cắp bị chặt tay, chặt chân hoặc cho voi giày. Những người không trả được nợ, và vợ con kẻ phản loạn, đều biến thành nô tì cho các quan.

Như vậy, khẳng định rằng nhà Trần rất được lòng dân, há chẳng là quá vội vàng? Tuy nhiên, sử liệu cho ta biết rằng gần

toàn thể dân chúng đều trung thành với họ Trần khi xảy ra nạn Mông Cổ xâm lăng, chỉ có ít trường hợp phản bội. Sự đoàn kết thần thánh của toàn dân trước nguy cơ ngoại xâm cố nhiên cũng có, nhưng chưa đủ cắt nghĩa tất cả. Chứng cứ là 150 năm sau, sự đoàn kết đó không thực hiện với Hồ Quý Ly chống quân Minh. Vậy tại sao họ Trần lại có kết được lòng dân mà họ Hồ không làm nổi ?

Vì họ Trần biết bọc bàn tay sắt dưới bàn tay nhung. Trước hết, họ thỏa mãn lòng hiếu danh của dân chúng bằng cách tôn xưng những đại diện của xã lên chức xã quan. Mỗi xã biến thành một tiểu triều đình, và tham vọng của người dân chỉ là chiếm được một chỗ ăn trên ngai trước ở đình trung, không nghĩ đến việc gây rối cho triều đình nữa.

Rồi trong những trường hợp trọng đại, nhà Trần lại triệu tập các cuộc hội nghị dân chúng để hỏi ý dân. Và người dân đi dự hội, được triều đình tiếp đón trọng thể, hứng chí rằng Thiên tử phải hỏi ý kiến mình, liền đấu giá cao hơn ý muốn của triều đình. Hội nghị Diên Hồng thực ra được triệu tập không phải để hỏi ý dân nên hòa hay nên chiến, mà chỉ là một cách khôn khéo để kích động lòng ái quốc. Sử ký chỉ ghi có hội nghị Diên Hồng, nhưng chắc chắn còn có nhiều hội nghị dân chúng khác để tăng thuế chẳng hạn, một hy sinh mà người dân cho ngay là nhẹ khi tưởng chính mình đã thỏa thuận hoặc đề nghị.

Sau hết, đối với những vị triều thần, các vua Trần khôn khéo biết thân thiện chứ không tỏ oai nghi thiên tử như các vua triều Lê và Nguyễn sau này. Trong các yến diên, vua tôi cũng uống

rượu rồi nắm tay nhau ca múa, coi nhau như bạn hữu hơn là vua tôi. Và ta sẽ không lấy làm lạ khi các bậc đại thần đó rỏ tới giọt máu cuối cùng để đền ơn tri ngộ.

9/Cuộc chiến thắng của vua Quang Trung đầu năm Kỷ Dậu 1789 còn kỳ diệu hơn võ công của Trần Hưng Đạo vương ba thế kỷ trước. Thật vậy, tuy Quang Trung gặp một đối thủ là quân Thanh không hùng mạnh bằng quân Mông Cổ, nhưng ngài lại vấp phải một trở ngại to lớn khác, là trong khi quân dân nhà Trần một lòng đứng đằng sau Hưng Đạo vương, thì phần lớn giai cấp sĩ phu ngu trung với họ Lê lại sẵn sàng hợp tác với giặc Thanh. Thế mà, một đảng họ Trần đã phải thua nhiều trận lúc đầu, đến nỗi xa giá nhà vua phải vất vả xuất bôn tới Thanh Hóa, một đảng khác thì Quang Trung đã đập tan 30 vạn quân Thanh trong một chiến trận chớp nhoáng.

Chúng ta có thể nghĩ rằng vì tài dùng binh của ngài, như của Napoléon đệ nhất, thắng trận nhờ về cách điều động quân sĩ thần tốc, đánh địch vào lúc bất ngờ, công kỳ vô bị. Cách giải thích trên rất hữu lý, nhưng vẫn chưa giải thích được tại sao vua Quang Trung lại dám quả quyết trước khi lâm trận rằng mình sẽ thắng dễ dàng một kẻ thù đông hơn và có hỏa lực mạnh, trong khi quân mình chỉ đối phó bằng đao kiếm và mộc. Việt-Nam sử lược của Trần Trọng Kim ghi lời ngài nói :”*Ta ra chuyến này thân coi việc quân đánh giặc, đã định mẹo rồi, đuổi quân Tàu về chẳng qua 10 ngày là xong việc.*” Có sách khác còn nói thêm rằng ở Thanh Hóa

ngài có đến vấn kế La Sơn phu tử, và được phu tử xác nhận rằng tất sẽ chiến thắng chớp nhoáng.

Chiến sự là việc hung, làm sao mà vua Quang Trung dám nắm chắc thắng lợi trước khi thử sức ? Tất phải có một bí mật nào đó. Yếu tố nào ? Chúng tôi xin đưa ra một giả thuyết : Khi quân Tàu tràn sang nước ta như vào chỗ không người, quân Tây Sơn chia đánh một trận nhỏ rồi theo kế hoạch của Ngô Thời Nhiệm (có thể đó là kế hoạch của vua Quang Trung dặn trước), rút lui về núi Tam Điệp, chắc chắn có để lại một số quân cảm tử trà trộn vào dân chúng Thăng Long. Đến lúc vua Quang Trung tiến đánh, thì đạo quân thứ 5 đó phá hoại kho thuốc súng, và la ó rầm rĩ như thành đã bị vỡ, khiến quân Tàu chưa đánh đã tan. Tôn Sĩ Nghị chạy trốn vội vàng đến nỗi không kịp mặc giáp, và bỏ quên cả hộp đựng chiếu chỉ bí mật của vua Càn Long. Nếu không có nội công gây nội biến, thì làm gì quân Tàu lại hoảng sợ đến thế ?

Thì ra chiến sách dùng đạo quân thứ 5 để phá hoại hậu phương của địch không mới mẻ gì, tổ tiên chúng ta đã biết sử dụng rồi, nhưng cũng phải hội đủ một số điều kiện thì mới thi hành được. Việc quân Thanh tàn bạo với dân chúng là một điều kiện rất thuận lợi. Ngoài ra còn có việc báo oán nhỏ nhen của vua Chiêu Thống cũng là một sự kiện khiến cho lòng dân ly tán, để mặc cho đạo quân thứ 5 của Tây Sơn hoạt động mà không báo cáo với phe vua Lê. Dưới đây tôi xin bàn qua về sự kiện này.

10/Sử chép rằng khi quân Nguyên đang cường thịnh, quan lại có kẻ hai lòng, thư từ bí mật với giặc. Sau khi giặc thua chạy về Bắc, quân ta bắt được tráp đựng những thư từ đó. Đình thần muốn lục ra để trị tội, nhưng vua Trần Nhân Tông không cho mở tráp, và sai đốt liền. Ngài thật là bậc cao minh hiểu thấu tâm lý con người, có những phút lầm lỗi. Những kẻ nhát gan dễ mềm lòng phản quốc khi họ thấy quân ta đang thua lớn, nhưng khi thế thắng được phục hồi, thì họ lại sẵn sàng chiến đấu cho tổ quốc. Và vua Trần đã nghĩ rất đúng, và đến cuộc xâm lăng sau của quân Mông Cổ thì không còn ai trở lòng nữa. Hồi cấp sách đi học, chúng tôi đã từng thán phục vở tuồng Cinna của Corneille nêu cao lòng đại lượng của vua Auguste đối với Cinna đã phản bội ông. Không ngờ vua Trần Nhân Tông lại còn cao hơn một bậc, đã nắm được trong tay những chứng cứ phản bội của một số quan lại, không những sẵn sàng tha thứ cho họ, mà còn ra lệnh đốt tiêu tráp thư còn đậy kín, không tìm biết tính danh kẻ phản bội là ai. Cao thượng đến mức đó là cùng cực !

Trái lại vua Chiêu Thống bụng dạ nhỏ nhen. Sau khi được quân Thanh đưa về Thăng Long phong vương, vua chỉ nghĩ đến việc trừng phạt tàn khốc những triều thần đã hợp tác với Tây Sơn. Và bọn tòng vọng nhà vua cũng lợi dụng việc đó để trả những thù riêng. Việc báo oán bỉ ổi đến nỗi Thái hậu, từ Trung Hoa trở về vài ngày sau nhà vua, phải phẫn nộ. Vua Chiêu Thống phái triều thần sang bờ Bắc sông Nhĩ Hà để rước ngài về cung, thì ngài bảo :”*Từ khi xảy ra loạn kiêu binh, nguyên lực của quốc gia đã bị hao tổn nhiều lần rồi. Như thế chưa đủ sao ? Gái già này phải lặn lội*

*sang Trung quốc để xin cầu viện. Phải chăng nhà vua muốn ta lại phải bôn tẩu một lần nữa.*” Rồi Thái hậu từ chối qua sông. Vua Chiêu Thống lại phải sai một vị đại thần sang cắt nghĩa cho Thái hậu rằng phép nước không thể bỏ được, kẻ phản thần phải đền tội, nhưng sự trị tội này, để thể theo lượng bao dung của Thái hậu, đã chấm dứt rồi, vậy xin Ngài cứ an tâm hồi cung.

Nói rộng ra, những bậc vĩ nhân cổ kim, hoặc là giáo chủ các tôn giáo như Bốn sư Thích Ca Mâu Ni Phật và đức chúa Jesus Christ, hoặc là các vị vua anh hùng như Hán Cao tổ, Đường Thái Tôn, Trần Nhân Tông, Quang Trung đại đế, đều có độ lượng phóng khoáng, không chấp những lỗi lầm của kẻ phạm nhân. Ngày nay, những chính khách lượng nhỏ, bới lông tìm vết người nọ, lại còn chụp mũ bừa bãi người kia, làm ao cảm hóa nổi lòng quần chúng theo mình ?

X

X X

Trên đây chúng tôi đã mạo muội đưa ra vài ý kiến để thử làm sáng tỏ 10 sự kiện lịch sử mà chúng tôi thấy các bộ sử cổ truyền chưa trình bày rõ ràng. Tất nhiên còn nhiều sự kiện khác còn chờ đợi một sự trình bày hợp tình, hợp lý hơn. Triếc rằng ngày nay ở đất khách quê người, thiếu tài liệu khảo cứu, nên chúng tôi chỉ mới có vài ý kiến thô thiển đó thôi. Nhưng chúng tôi thiết nghĩ rằng việc làm sáng tỏ lịch sử trên một căn bản khoa học là một việc chúng ta phải làm, phải thử làm, dù có bất tài mà không đạt

được hoàn toàn mục đích cũng cứ nên thử làm, còn hơn là giữ mãi cách trình bày lịch sử cổ truyền mà chúng ta cảm thấy có điều hoang đường hoặc không được giải thích hợp tình, hợp lý. Vì cuối cùng, sự thật dù mộc mạc vẫn đẹp hơn sai lầm dù tô son điểm phấn./.